TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**
2. Ông **Trần Văn Thạch**

Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh,** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **V.T.T.D,** sinh năm 1989; Địa chỉ: số A, tổ 01, Nguyễn Văn Linh, ấp N.T, xã T.Đ, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **N.H.P**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B, đường Nguyễn Văn Linh, ấp N.T, xã T.Đ, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/202 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V.T.T.D trình bày:***

Chị D và anh P chung sống vợ chồng từ năm 2014, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.Đ, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng, không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh P thường xuyên vắng nhà, ham chơi, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ con, kéo dài làm mất lòng tin chị D, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị D đi về nhà cha mẹ ruột sống riêng đến nay một năm. Nay hiện tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên N.D.G.V, sinh ngày 06/8/2014. Hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Vỹ và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh N.H.P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11***

năm 2023: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn. Xác nhận vợ chồng chung sống không hòa hợp, nguyên nhân do anh ham chơi, cờ bạc nên vợ giận có đơn xin ly hôn. Nhưng anh không muốn ly hôn với vợ, vì anh thương vợ, thương con, anh không muốn ly hôn, nên anh không đồng ý ly, có yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên N.D.G.V, sinh ngày 06/8/2014. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D thì anh P đồng ý giao cháu Vỹ cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh N.H.P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị V.T.T.D và anh N.H.P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 3 năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã T.Đ, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị D trình bày vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, chung sống không có hạnh phúc. Riêng anh P được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện anh P không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh P không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên N.D.G.V, sinh ngày 06/8/2014. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vỹ và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử giao cháu Vỹ cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.*Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chị V.T.T.D về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn là anh N.H.P. Chị V.T.T.D được ly hôn với anh N.H.P.

2. Về con chung: Chị V.T.T.D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.D.G.V, sinh ngày 06/8/2014. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh N.H.P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị V.T.T.D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010586 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Lành